

	日 に ち			Vietnam
1	12月9日	水	9 : 30~13 : 30	1-1 Tìm hiểu về các loại dịch vụ khác nhau
	12月9日	水	13 : 30~16 : 50	1-2 Tìm hiểu về công việc chăm sóc và nơi làm việc
2	12月16日	水	9 : 30~11 : 00	2-1 Chăm sóc bảo vệ quyền và sự quan trọng của con người
				2-2 Chăm sóc giúp người khác có thể tự làm
	12月16日	水	11 : 10~14 : 00	3-1 Vai trò chăm sóc, công việc chuyên môn và sự hợp tác với nhiều người khác nhau
				3-2 Quy tắc cần tuân thủ trong công việc chăm sóc
	12月16日	水	14 : 00~15 : 10	3-3 Bảo vệ an toàn trong công việc chăm sóc và cách tránh những điều nguy hiểm
				3-4 An toàn cho người làm công việc chăm sóc
	12月16日	水	15 : 10~16 : 00	Hỗ trợ
3	12月23日	水	9 : 30~11 : 00	4-1 Cơ chế gọi là bảo hiểm chăm sóc
				4-2 Những việc làm cùng với bác sĩ và phục hồi chức năng
				4-3 Hỗ trợ người khuyết tật và các cơ chế khác
	12月23日	水	11 : 10~13 : 30	5-1 Cách nói chuyện trong chăm sóc
	12月23日	水	13 : 30~15 : 40	5-2 Cách giao tiếp trong nhóm chăm sóc
				6-1 Sự thay đổi cơ thể và tâm lý khi có tuổi
4	1月6日	水	9 : 30~12 : 40	6-2 Sức khỏe và người cao tuổi
	1月6日	水	13 : 30~14 : 30	7-1 Về bệnh sa sút trí tuệ
				7-2 Những điều cơ bản về bệnh sa sút trí tuệ và quản lý sức khỏe
	1月6日	水	14 : 40~16 : 50	7-3 Sự thay đổi cơ thể và tâm lý của người bị sa sút trí tuệ
				7-4 Hỗ trợ gia đình như thế nào
				8-1 Tìm hiểu cơ bản về khuyết tật
				8-2 Sự thay đổi cơ thể, đặc điểm tâm lý của người khuyết tật và cách hỗ trợ
5	1月13日	水	9 : 30~11 : 00	8-3 Những điều gia đình cảm nhận và cách hỗ trợ
	1月13日	水	11 : 10~13 : 30	9-1 Quan điểm quan trọng trong chăm sóc
	1月13日	水	13 : 30~15 : 40	9-2 Tìm hiểu cơ bản về cơ chế tâm lý trong chăm sóc
	1月13日	水	15 : 10~16 : 00	Hỗ trợ
6				9-3 Tìm hiểu cơ bản về cơ chế cơ thể trong chăm sóc
	1月20日	水	9 : 30~14 : 30	9-4 Cuộc sống thường ngày và công việc nhà
	1月20日	水	14 : 40~16 : 10	9-5 Nơi ở và chăm sóc để sống thoải mái
	1月20日	水	16 : 10~16 : 50	Hỗ trợ
7	1月27日	水	9 : 30~16 : 50	9-9 Chăm sóc giữ gìn vệ sinh và tắm rửa, hỗ trợ để có thể tự làm
8	2月3日	水	9 : 30~16 : 50	9-7 Chăm sóc hỗ trợ việc di chuyển, vận động cơ thể và hỗ trợ để có thể tự làm 1/2
9	2月10日	水	9 : 30~16 : 50	9-7 Chăm sóc hỗ trợ việc di chuyển, vận động cơ thể và hỗ trợ để có thể tự làm 2/2
10	2月17日	水	9 : 30~16 : 50	9-8 Chăm sóc bữa ăn và hỗ trợ để có thể tự làm
11	2月24日	水	9 : 30~16 : 50	9-6 Chăm sóc để giữ sạch sẽ và hỗ trợ để có thể tự làm
12	3月3日	水	9 : 30~16 : 50	9-10 Chăm sóc về việc đi vệ sinh và hỗ trợ để có thể tự làm
13	3月10日	水	9 : 30~15 : 10	9-11 Chăm sóc về giấc ngủ và hỗ trợ để có thể tự làm
	3月10日	水	15 : 10~16 : 50	9-12 Chăm sóc khi qua đời và lúc đó
14	3月17日	水	9 : 30~11 : 40	9-13 Những điều cơ bản về lập kế hoạch chăm sóc
	3月17日	水	11 : 40~16 : 50	9-14 Luyện tập hỗ trợ cuộc sống 1/2
15	3月24日	水	9 : 30~16 : 50	9-14 Luyện tập hỗ trợ cuộc sống 2/2
16	3月31日	水	9 : 30~11 : 40	10-1 Tổng kết, nhìn lại
	3月31日	水	11 : 40~14 : 30	10-2 Chuẩn bị cho công việc và tiếp tục học tập
	3月31日	水	14 : 40~15 : 40	※Kỳ thi